

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/DS-PT
Ngày 18-7-2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Lưu Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 91/2019/QĐXXPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị G, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn T A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ dân phố số 9, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn: Chị Phạm Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị G, chị H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày đề ngày 17-01-2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là chị Cao Thị G trình bày:

Chị và chị Phạm Thị H là bạn bè cùng xã và cũng là bạn làm ăn. Do nhu cầu cần tiền buôn bán, tháng 9 năm 2014 (âm lịch) chị H hỏi vay tiền và chị cho vay hai lần với tổng số tiền là 300.000.000đồng. Hai bên thỏa thuận bằng miệng

thời hạn thanh toán từ 7-10 ngày; lãi suất là 1.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày. Sau đó, chị H chỉ trả được 20.000.000đồng. Vì vậy, ngày 30-9-2014 âm lịch (tháng 9 nhuận) chị yêu cầu chị H trả số tiền còn thiếu, nên chị H đã tự viết và ký vào “giấy mượn tiền” vay chị số tiền là 280.000.000đồng.

Đến nay, chị H đã trả gốc là 5.000.000đồng bằng chuyển khoản từ tài khoản chị H đến tài khoản của cháu chị. Chị đã nhận số tiền này. Ngoài ra, chị H trả được hai tháng lãi là tháng 10 và tháng 11 năm 2014 âm lịch với tổng khoảng 16 triệu đồng. Do thời gian đã lâu chị không nhớ rõ. Từ đó cho đến nay, chị đòi nhiều lần nhưng chị H không trả bất kỳ khoản nào. Chị đề nghị Tòa án buộc chị H trả cho chị nợ gốc là 275.000.000đồng, lãi suất theo thỏa thuận do hết thời hiệu chị không yêu cầu chị H phải thanh toán.

Tại bản tự khai ngày 02-01-2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và chị Cao Thị G là bạn bè như chị G trình bày. Vào cuối năm 2010, chị bắt đầu vay tiền của chị G nhiều lần khác nhau, kéo dài từ đó cho đến cuối năm 2014 để làm ăn. Do vay nhiều lần nên không nhớ cụ thể mỗi lần vay bao nhiêu. Giữa chị và chị G có thỏa thuận mức lãi suất là từ 3000đồng đến 5.000đồng/1triệu/một ngày; có lúc lãi suất là 10.000đồng/1triệu/một ngày thời hạn thanh toán lãi cứ 5 ngày một lần. Không có thời hạn thanh toán số tiền vay. Việc vay mượn lúc thì viết vào tờ giấy, khi viết vào tờ lịch để nhớ ngày; thỏa thuận lãi bằng miệng. Khi trả lãi chị G không viết giấy cho chị. Ngày 30-09-2014 âm lịch chị viết giấy mượn tiền của chị G là 280.000.000 đồng, nhưng do bị chị G ép viết đồng thời ông Thông có gọi điện đe dọa nên chị phải viết “Giấy mượn tiền”. Thực chất đó là số tiền cả vốn lẫn lãi mà chị vay của chị G, không ai biết và làm chứng việc chị bị ép viết “Giấy mượn tiền”. Sau đó, đến Tết âm lịch năm 2014, chị đã trả cho chị G nhiều lần với số tiền hơn 200.000.000đồng. Hiện nay chị chỉ còn nợ chị G khoảng hơn 50.000.000đồng. Khi trả tiền chị G không ký nhận hay viết văn bản xác nhận số tiền chị đã trả. Chị không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc trả tiền cho chị G và không ai biết không ai chứng kiến vì chị em tin tưởng nhau, khi trả chị chỉ nói bằng miệng. Chị chỉ còn nợ chị G số tiền hơn 50.000.000đồng chị không nhất trí trả tiền như yêu cầu khởi kiện của chị G.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Tòa án huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định quyết định. Căn cứ Điều 305, Điều 427, Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị G. Buộc chị Phạm Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho chị Cao Thị G số tiền 263.800.000đồng. Ngoài ra, bản án sơ

thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự, lãi suất chậm trả do người phải thi hành án chậm thi hành án, biện pháp thi hành án và thời hiệu thi hành án.

Ngày 10-4-2019 chị Phạm Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Chị kiện ngược lại chị G về tội đã lừa đảo cấu kết với ông Phạm Văn T và xã hội đen cho vay tín dụng đen với lãi suất cao, còn dùng xã hội đen đe dọa đốt nhà chị tại cổng ngõ vào lúc 2 giờ đêm. Dùng xã hội đen để ép chị viết giấy ký nợ 280 triệu đồng. Tài liệu trong đơn khởi kiện sai lệch có dấu hiệu bịa đặt, lời khai lắt léo mà cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ngày 12-4-2019 chị H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chỉnh sửa nội dung bản án 01/2019 đưa những tình tiết chứng cứ làm rõ tổ chức tín dụng đen giữa ông Thông và chị G. Không có kinh doanh cầm đồ, không có pháp lý và thủ tục vay vốn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị H trình bày kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết những vấn đề sau đây: Ông Phạm Văn T đã đưa xã hội đen đến đốt nhà, đốt cháy ở cổng nhà chị, chị G nhiều lần đưa xã hội đen đến nhà để ép chị viết giấy vay nợ. Giấy vay nợ 280 triệu đồng do chị viết nhưng bị ép viết. Lãi suất chị đã trả cho chị G khoảng 1 tỷ đồng từ cuối năm 2010 đến năm 2014.

Chị G giữ nguyên đơn khởi kiện và trình bày không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của chị H đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị H đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét kháng cáo về việc đưa xã hội đen đến đốt nhà và đốt ở cổng nhà chị H: Xét thấy, tại phiên tòa chị H trình bày vào khoảng 2 giờ sáng ngày 18-5-2015 thấy có lửa đốt cháy ở ngõ, gia đình chạy ra xem có hai thanh niên ở ngõ chạy đi, chị không biết họ, tên và địa chỉ hai thanh này. Chị G trình bày chị không biết việc đốt lửa ở ngõ nhà chị H, còn chị quan hệ với ông Phạm Văn T chỉ là quan hệ trong xã hội. Như vậy, chị H cho rằng có việc đốt lửa cháy ở ngõ nhà chị nhưng chị H không biết họ, tên và địa chỉ của người đốt, còn chị G trình bày không biết việc đốt ngõ, quan hệ giữa ông Thông và chị G là quan hệ trong xã hội, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của chị H.

[2] Xét kháng cáo về việc chị G nhiều lần đưa xã hội đen đến nhà chị H để ép chị H viết giấy mượn tiền 280 triệu đồng. Xét thấy, tại phiên tòa chị H trình bày chị là người viết giấy mượn tiền với số tiền là 280 triệu đồng ngày 30-9-2014 âm nhưng bị ép viết và số tiền 280 triệu đồng bao gồm cả gốc, lãi của những lần vay trước, nhưng chị H không có tài liệu, chứng cứ chứng minh chị bị ép viết giấy mượn tiền 280 triệu đồng và cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh 280 triệu đồng bao gồm cả gốc và lãi. Còn chị G trình bày chị cho chị H vay 300 triệu đồng, chị H đã trả 20 triệu đồng còn nợ 280 triệu đồng, chị không nhất trí với lời trình bày của chị H. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của chị G.

[3] Xét kháng cáo chị G đã trả cho chị H 1 tỷ đồng tiền lãi từ cuối năm 2010 đến năm 2014 đề nghị Hội đồng xem xét trừ vào tiền gốc. Xét thấy, chị H trình bày đã trả cho chị G 01 tỷ tiền lãi từ cuối năm 2010 đến năm 2014 nhưng chị H không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ, chứng minh cho việc đã thanh toán liền lãi cho chị G 01 tỷ đồng, còn chị G không thừa nhận chị H đã trả lãi 01 tỷ đồng mà chị G chỉ thừa nhận đã nhận lãi của chị H là 16.800.000đồng, cấp sơ thẩm đã tính lại lãi suất, số tiền lãi vượt quá theo quy định của pháp luật đã được trừ vào nợ gốc. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị H đã trả chị G 01 tỷ đồng.

[4] Do giữ nguyên án sơ thẩm nên chị H phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị G.

Buộc chị Phạm Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Cao Thị G số tiền 263.800.000 đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị H phải nộp là 300.000đ nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị H đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0002224 ngày 16-4-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng. Chị Cao Thị G không phải nộp hoàn lại cho chị G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ

thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0002173 ngày 21-01-2019.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng

Lại Văn Tùng

Vũ Thị Thu